

Bản án số: 862/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 28-11-2018

V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thuần Phong.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Trọng Thắng;
2. Ông Nguyễn Như Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Hoa – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2018 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 7 mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 173/2018/TLST-HNGĐ ngày 20/03/2018 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 319/2018/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 216/2018/QĐST-HNGĐ ngày 07/11/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1970; địa chỉ: Khu phố H, phường K, quận B, Tp. HCM; tạm trú: Đường số E, khu phố T, phường S, quận B, Tp. HCM (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).
2. *Bị đơn:* Bà Lâm Thị Thanh H1, sinh năm 1976; địa chỉ: Khu phố H, phường K, quận B, Tp. HCM (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 07/03/2018, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Thanh H trình bày:

Ông và bà H1 qua thời gian tìm hiểu thì tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào năm 1995 (Giấy chứng nhận kết hôn số 19 ngày 24/3/1995 đăng ký tại UBND xã Đ, huyện B, Tp. HCM, bản chính đã bị thất lạc).

Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, bà H1 không quan tâm đến gia đình, chồng con; mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng không sống chung nhà từ giữa năm 2018 cho đến nay. Nay xác định tình cảm không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể khắc

phục, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên nguyên đơn ông H đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà H1.

- Về con chung: Ông H xác định, ông và bà H1 có 02 người con chung, họ tên là Nguyễn Thanh H2 (Nam), sinh ngày 10/7/1996 (đã trưởng thành) và Nguyễn Ngọc Vân A (Nữ), sinh ngày 06/4/2002.

Hiện trẻ Vân A đang trực tiếp sống với ông, sau khi ly hôn ông yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng trẻ Vân A, không yêu cầu bà H1 cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

Bị đơn bà Lâm Thị Thanh H1 vắng mặt không lý do trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án. Tòa án đã tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng: thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và thông báo kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định pháp luật cho bị đơn bà H1 nhưng bà không đến, không có văn bản trình bày ý kiến, Tòa không tiến hành hoà giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 phát biểu ý kiến như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán tuân theo pháp luật trong quá trình thụ lý, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, giải quyết vụ án, việc tiến hành tố tụng, triệu tập người tham gia tố tụng, thẩm quyền giải quyết đúng theo quy định; xác định tư cách đương sự đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; việc tiến hành thu thập chứng cứ, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát phù hợp quy định pháp luật. Vụ án được giải quyết đúng thời hạn quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với đương sự: nguyên đơn thực hiện đúng các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình theo quy định, vắng mặt trong các lần Tòa án triệu tập hòa giải mâu thuẫn vợ chồng, vắng mặt tại phiên tòa. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định tại Chương XIV của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung: Theo tài liệu chứng cứ các bên cung cấp, Tòa án thu thập được cũng như lời trình bày của ông H; mâu thuẫn vợ chồng kéo dài, cả hai sống ly thân từ giữa năm 2018 cho đến nay, nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông H yêu cầu được ly hôn với bà H1 là có cơ sở để chấp nhận.

- Về con chung: ông H và bà H1 chung sống có 02 người con chung, họ tên là Nguyễn Thanh H2 (Nam), sinh ngày 10/7/1996 (đã trưởng thành) và Nguyễn Ngọc Vân A (Nữ), sinh ngày 06/4/2002. Hiện ông H đang trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Vân A, sau khi ly hôn ông yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng trẻ Vân A, không yêu cầu bà H1 cấp dưỡng nuôi con; đây là sự tự nguyện nên ghi nhận giao cháu Vân A cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng, bà H1 có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung là phù hợp.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Án phí dân sự sơ thẩm nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được xem xét tại phiên tòa và nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại cư trú tại Khu phố H, phường K, Quận B, Tp. HCM, nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về hình thức:

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về các yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

Bà Lâm Thị Thanh H1 và ông Nguyễn Thanh H tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn 1995 (Giấy chứng nhận kết hôn số 19 ngày 24/3/1995 đăng ký tại UBND xã Đ, huyện B, Tp. HCM) đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, vì vậy được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3.1] Về quan hệ hôn nhân:

Về yêu cầu ly hôn của ông H, Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào phần trình bày của nguyên đơn; căn cứ vào các văn bản xác minh về tình trạng mâu thuẫn vợ chồng của ông H bà H1 tại Hội Phụ nữ phường K, Quận B và tại Công an phường K, Quận B có đủ cơ sở để xác định mâu thuẫn giữa bà H1 ông H phát sinh kéo dài, bà H1 và ông H không sống chung với nhau từ giữa năm 2018 cho đến nay. Từ đó cho thấy tình trạng hôn nhân của các đương sự là trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc ly hôn với bị đơn theo quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung:

Căn cứ vào Giấy khai sinh số 126, Quyền số 01 đăng ký tại UBND Phường M, thị xã L, tỉnh L ngày 22/7/1996; Giấy khai sinh số 61, Quyền số 01/2002 đăng ký tại UBND phường K, Quận B cùng với lời thừa nhận của nguyên đơn có đủ căn cứ xác định bà Lâm Thị Thanh H1 và ông Nguyễn Thanh H có 02 người con chung, họ tên là Nguyễn Thanh H2, sinh ngày 10/7/1996 (đã trưởng thành) và Nguyễn Ngọc Vân A, sinh ngày 06/4/2002.

Hiện trẻ Vân A đang trực tiếp sống với ông Nguyễn Thanh H, sau khi ly hôn ông H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Vân A, không yêu cầu bà H1 cấp dưỡng nuôi con. Yêu cầu này của nguyên đơn là tự nguyện, không trái với chính sách, pháp luật của Nhà nước, không vi phạm đạo đức xã hội. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của con chung; căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nghị nên giao trẻ Vân A cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận ông H tự nguyện không yêu cầu bà H1 cấp dưỡng nuôi con.

[3.3] Về tài sản chung: Ông Nguyễn Thanh H xác nhận vợ chồng ông không có tài sản chung.

[3.4] Về nợ chung: Ông H xác nhận vợ chồng ông không có nợ chung.

[4] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với phân tích, nhận định trên.

[5] Về án phí: Nguyên đơn ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 và Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Luật thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thanh H được ly hôn với bà Lâm Thị Thanh H1 (Giấy chứng nhận kết hôn số 19 ngày 24/3/1995 đăng ký tại UBND xã Đ, huyện B, Tp. HCM).

1.2. Về quan hệ con chung: Ông Nguyễn Thanh H và bà Lâm Thị Thanh H1 có hai người con chung, họ tên là Nguyễn Thanh H2 (Nam), sinh ngày 10/7/1996 (đã trưởng thành) và Nguyễn Ngọc Vân A (Nữ), sinh ngày 06/4/2002.

Giao trẻ Nguyễn Ngọc Vân A cho ông Nguyễn Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng, ông H không yêu cầu bà H1 cấp dưỡng nuôi con.

Bà Lâm Thị Thanh H1 có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Bà Lâm Thị Thanh H1 và ông Nguyễn Thanh H không có tài sản chung.

1.4. Về nợ chung: Bà Lâm Thị Thanh H1 và ông Nguyễn Thanh H không có nợ chung.

1.5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Thanh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0025241 ngày 20/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, vậy ông Nguyễn Thanh H đã nộp đủ án phí.

2. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 7;
- Chi cục THADS Quận 7;
- UBND phường K;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ (TK. Hoa).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thuần Phong